

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tha;
2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Kim P** - sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố 7 - phường T - Tp. B - Đắk Lắk.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Khoa T** - sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T - xã X - thị xã N - Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 17/7/2019, bản tự khai ngày 13/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Kim P trình bày: Bà và ông Nguyễn Khoa T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, Đắk Lắk năm 2014. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T hay cờ bạc, nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà đánh đập và chửi bới bà. Ông T không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình và không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông T vẫn không khắc phục nên vợ chồng không thể hòa hợp được và đã không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Bà P xác định không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Khoa N - sinh ngày 25/01/2015, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con và

không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Khoa T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Khoa T theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Khoa T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Dương Thị Kim P và ông Nguyễn Khoa T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kim P và ông Nguyễn Khoa T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, Đắk Lắk (*giấy chứng nhận kết hôn số 227, quyển số 02 ngày 27/10/2014*), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà P và ông T đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục, làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà P không còn chung sống với ông T và yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T; đối với ông T đã không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Bà P và ông T có 01 con chung là Nguyễn Khoa N - sinh ngày 25/01/2015. Bà P là người đang trực tiếp nuôi cháu N và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện nay cháu N đang sống cùng bà P đã ổn định, yêu cầu của bà P phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Dương Thị Kim P được ly hôn ông Nguyễn Khoa T.

2. Về con chung: Bà Dương Thị Kim P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Khoa N - sinh ngày 25/01/2015. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Dương Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008630 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; T hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường T, Tp. B, Đắk Lắk (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

Trương Tha

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường Tân Lập, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoa

Nguyễn Lơn

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thọ, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy